**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC MÔN TOÁN KHỐI 5**

**HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020-2021**

**(THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH THEO CV.405/ BGĐT-GDTH)**

Căn cứ chỉ đạo chuyên môn về việc Điều chỉnh Kế hoạch giảng dạy HKII- năm học 2020-2021(Thực hiện điều chỉnh theo CV.405/ BGDĐT-GDTH, ngày 28.1.2021), Tổ chuyên môn 4-5 đã lên kế hoạch thực hiện chương trình giảng dạy khối 5 năm học 2020-2021 như sau:

| **Chủ đề** | **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 19 | 91 | Diện tích hình thang  (tr. 93) | Biết tính diện tích hình thang, biết vận dụng vào giải các bài tập liên quan.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a), Bài 2(a), | HSNK: Bài 1b,2b,3 |  |
| 92 | Luyện tập  (tr. 94) | Biết tính diện tích hình thang.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3(a). | HSNK: Bài 2,3b |  |
| 93 | Luyện tập chung  (tr. 95) | Biết:- Tính diện tích hình tam giác vuông, hình thang.  - Giải toán liên quan đến diện tích và tỉ số phần trăm.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 94 | Hình tròn, đường tròn  (tr. 96) | - Nhận biết được hình tròn, đường tròn và các yếu tố của hình tròn.  - Biết sử dụng compa để vẽ hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 95 | Chu vi hình tròn  (tr. 97) | Biết quy tắc tính chu vi hình tròn và vận dụng để giải bài toán có yếu tố thực tế vê chu vi hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,b), Bài 2(c), Bài 3. | HSNK: Bài 1c, 2a,b |  |
| 20 | 96 | Luyện tập  (tr. 99) | Biết tính chu vi hình tròn, tính đường kính của hình tròn khi biết chu vi của hình tròn đó.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,c), Bài 2, Bài 3(a) | HSNK: Bài 1c, bài 3b, bài 4 |  |
| 97 | Diện tích hình tròn  (tr. 99) | Biết quy tắc tính diện tích hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,b), Bài 2(a,b), Bài 3 | HSNK: Bài 1c, bài 2c |  |
| 98 | Luyện tập  (tr. 100) | Biết tính diện tích hình tròn khi biết:  - Bán kính của hình tròn.  - Chu vi của hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: bài 3 |  |
| 99 | Luyện tập chung  (tr. 100) | Biết tính chu vi, diện tích hình tròn và vận dụng để giải các bài toán liên quan đến chu vi, diện tích của hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 4 |  |
| 100 | Giới thiệu biểu đồ hình quạt  (tr. 101) | Bước đầu biết đọc, phân tích và xử lí số liệu ở mức độ đơn giản trên biểu đồ hình quạt.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: Bài 2 |  |
| 21 | 101 | Luyện tập về tính diện tích  (tr. 103) | Tính được diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: Bài 2 |  |
| 102 | Luyện tập về tính diện tích (tiếp theo) (tr. 104) | Tính được diện tích một số hình được cấu tạo từ các hình đã học.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: Bài 2 |  |
| 103 | Luyện tập chung  (tr. 106) | Biết:- Tìm một số yếu tố chưa biết của các hình đã học.  - Vận dụng giải các bài toán có nội dung thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3 | HSNK: Bài 2 |  |
| 104 | Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương  (tr. 107) | - Có biểu tượng về hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - Nhận biết được các đồ vật trong thực tế có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - Biết các đặc điểm của các yếu tố của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3 | HSNK: Bài 2 |  |
| 105 | Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật | - Có biểu tượng về diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.  - Biết tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: Bài 2 |  |
| 22 | 106 | Luyện tập  (tr. 110) | - Biết tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.  - Vận dụng để giải một số bài toán đơn giản.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài tập 3 |  |
| 107 | Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương | Biết:  - Hình lập phương là hình hộp chữ nhật đặc biệt.  - Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 |  |  |
| 108 | Luyện tập  (tr. 112) | Biết:  - Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.  - Vận dụng để tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương trong một số trường hợp đơn giản.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 |  |  |
| 109 | Luyện tập chung  (tr. 113) | Biết:  - Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  - Vận dụng để giải một số bài tập có yêu cầu tổng hợp liên quan đến các hình lập phương và hình hộp chữ nhật.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3 | HSNK: Bài 2 |  |
| 110 | Thể tích của một hình (tr. 114) | - Có biểu tượng về thể tích của một hình.  - Biết so sánh thể tích của hai hình trong một số tình huống đơn giản.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 23 | 111 | Xăng –ti- mét khôi. Đề-xi-mét khối  (tr. 116) | - Có biểu tượng về xăng-ti-mét khối, đề-xi-mét khối.  - Biết tên gọi, kí hiệu, “độ lớn” của đơn vị đo thể tích: xăng-ti-mét khối, đề-xi-mét khối.  - Biết mối quan hệ giữa xăng-ti-mét khối và đề-xi-mét khối.  - Biết giải một số bài toán liên quan đến xăng-ti-mét khối, đề-xi-mét khối.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2(a) | HSNK: Bài tập 2b |  |
| 112 | Mét khối  (tr. 117) | - Biết tên gọi, kí hiệu, “độ lớn” của đơn vị đo thể tích: mét khối.  - Biết mối quan hệ giữa mét khối, đề-xi-mét khối, xăng-ti-mét khối.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2b | HSNK: Bài 3 |  |
| 113 | Luyện tập  (tr. 119) | - Biết đọc, viết các đơn vị đo mét khối, đề-xi-mét khối, xăng-ti-mét khối và mối quan hệ giữa chúng.  - Biết đổi các đơn vị thể tích, so sánh các số đo thể tích.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,b dòng 1,2,3), Bài 2, Bài 3(a,b) | HSNK: Bài 1b dòng 4; Bài 3c |  |
| 114 | Thể tích hình hộp chữ nhật  (tr. 120) | - Có biểu tượng về thể tích hình hộp chữ nhật.  - Biết tính thể tích hình hộp chữ nhật.  - Biết vận dụng công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật để giải một số bài tập liên quan.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: Bài 2,3 |  |
| 115 | Thể tích hình lập phương  (tr. 122) | - Biết công thức tính thể tích hình lập phương.  - Biết vận dụng công thức tính thể tích hình lập phương để giải một số bài toán liên quan.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3 | HSNK: Bài 2 |  |
| 24 | 116 | Luyện tập chung  (tr. 123) | - Biết vận dụng các công thức tính diện tích, thể tích các hình đã học để giải các bài toán liên quan có yêu cầu tổng hợp.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2(cột1) | HSNK: Bài 2-cột 2,3; Bài 3 |  |
| 117 | Luyện tập chung  (tr. 124) | - Biết tính tỉ số phần trăm của một số, ứng dụng trong tính nhẩm và giải toán.  - Biết tính thể tích một hình lập phương trong mối quan hệ với thể tích của một hình lập phương khác.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 118 | Giới thiệu hình trụ, hình cầu | - Nhận dạng được hình trụ, hình cầu.  - Biết xác định các đồ vật có dạng hình trụ, hình cầu.  **- Bổ sung YCCĐ: Nhận biết được hình trụ, khai triển hình trụ, hình cầu.** |  | **Hình trụ hình cầu** |
| 119 | Luyện tập chung  (tr. 127) | - Biết tính diện tích hình tam giác, hình thang, hình bình hành, hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a), Bài 3 | HSNK: Bài 1b, 2 |  |
| 120 | Luyện tập chung  (tr. 128) | - Biết tính diện tích, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,b), Bài 2, | HSNK: Bài 1c; 3 |  |
|  | 25 | 121 | Kiểm tra định kì (giữa học kì II) | Tập trung vào việc kiểm tra:  - Tỉ số phần trăm và giải toán liên quan đến tỉ số phần trăm.  - Thu thập và xử lí thông tin từ biểu đồ hình quạt.  - Nhận dạng tính diện tích, thể tích một số hình đã học. |  |  |
|  | 122 | Bảng đơn vị đo thời gian  (tr. 129) | Biết:  - Tên gọi, kí hiệu của các đơn vị đo thời gian đã học và mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian thông dụng.  - Một năm nào đó thuộc thế kỉ nào.  - Đổi Bài tập cần làm:đơn vị đo thời gian.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3(a) | HSNK: Bài 3b |  |
| 123 | Cộng số đo thời gian (tr. 131) | Biết:- Thực hiện phép cộng số đo thời gian.  - Vận dụng giải các bài toán đơn giản.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(dòng 1,2), Bài 2 | HSNK: Bài 1- dòng 3,4 |  |
| 124 | Trừ số đo thời gian  (tr. 133) | Biết:  - Thực hiện phép trừ hai số đo thời gian.  - Vận dụng giải các bài toán đơn giản.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 125 | Luyện tập  (tr. 134) | Biết:  - Cộng, trừ số đo thời gian.  - Vận dụng giải các bài toán có nội dung thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(b), Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 1a, bài 4 |  |
| 26 | 126 | Nhân số đo thời gian với một số  (tr. 135) | Biết:  - Thực hiện phép nhân số đô thời gian với một số.  - Vận dụng để giải một số bài toán có nội dung thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: bài tập 2 |  |
| 127 | Chia số đo thời gian cho một số  (tr. 136) | Biết:  - Thực hiện phép chia số đo thời gian cho một số.  - Vận dụng để giải một số bài toán có nội dung thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 | HSNK: bài tập 2 |  |
| 128 | Luyện tập  (tr. 137) | Biết:- Nhân, chia số đo thời gian.  - Vận dụng tính giá trị của biểu thức và giải các bài toán có nội dung thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(c,d), Bài 2(a,b), Bài 3; Bài 4 | HSNK: Bài 1(a,b) ; Bài2(c,d). |  |
| 129 | Luyện tập chung  (tr. 137) | - Biết cộng, trừ, nhân, chia số đo thời gian.  - Vận dụng để giải các bài toán có nội dung thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2a, Bài 3, Bài 4 (dòng1,2). | HSNK: Bài 2b, Bài 4-dòng 3 và 4 |  |
|  | 130 | Vân tốc  (tr. 138) | - Có khái niệm ban đầu về vận tốc, đơn vị đo vận tốc.  - Biết tính vận tốc của một chuyển động đều.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài tập 3 |  |
| 27 | 131 | Luyện tập  (tr. 139) | - Biết tính vận tốc của chuyển động đều.  - Thực hành tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài tập 4 |  |
| 132 | Quãng đường  (tr. 140) | - Biết tính quãng đường đi được của một chuyển động đều.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài tập 3 |  |
| 133 | Luyện tập  (tr. 141) | - Biết tính quãng đường đi được của một chuyển động đều.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài tập 3,4 |  |
| 134 | Thời gian  (tr. 142) | - Biết cách tính thời gian của một chuyển động đều.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(cột 1,2), Bài 2 | HSNK: Bài 1-cột 3,4; Bài 3 |  |
| 135 | Luyện tập  (tr. 143) | - Biết tính thời gian của một chuyển động đều.  - Biết quan hệ giữa thời gian, vận tốc và quãng đường.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 4 |  |
| 28 | 136 | Luyện tập chung  (tr. 144) | - Biết tính vận tốc, thời gian, quãng đường.  - Biết đổi đơn vị đo thời gian.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3; Bài 4 |  |
| 137 | Luyện tập chung  (tr. 144) | - Biết tính vận tốc, quãng đường, thời gian.  - Biết giải bài toán chuyển ngược chiều trong cùng một thời gian.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3,4 |  |
| 138 | Luyện tập chung  (tr. 145) | - Biết giải bài toán chuyển động cùng chiều.  - Biết tính vận tốc, quãng đường, thời gian.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
|  | 139 | Ôn tập về số tự nhiên  (tr. 147) | - Biết đọc, viết, so sánh các số tự nhiên và dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.  **- Bổ sung YCCĐ: Làm quen được với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể thông qua một vài hoạt động hoặc trò chơi.**  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3(cột 1)Bài 5 | HSNK: Bài 3-cột2; Bài 4 | **Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện.** |
| 140 | Ôn tập về phân số  (tr. 148) | - Biết xác định phân số bằng trực giác; biết rút gọn, quy đồng mẫu số, so sánh các phân số không cùng mẫu số.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3(a,b),Bài 4. | HSNK: Bài 3c, Bài 5 |  |
| 29 | 141 | Ôn tập về phân số (tiếp theo)  (tr. 149) | - Biết xác định phân số; biết so sánh, sắp xếp các phân số theo thứ tự.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 4,Bài 5a. | HSNK: Bài 3, Bài 5b |  |
| 142 | Ôn tập về số thập phân  (tr. 150) | - Biết cách đọc, viết số thập phân và so sánh các số thập phân.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 4a,Bài 5. | HSNK: Bài 3, Bài 4b |  |
| 143 | Ôn tập về số thập phân (tiếp theo)  (tr. 151) | - Biết viết số thập phân và một số phân số dưới dạng phân số thập phân, tỉ số phần trăm; viết các số đo dưới dạng số thập phân; so sánh các số thập phân.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 (cột 2,3), Bài 3 (cột 3,4),Bài 4. | HSNK: Bài 2-cột 1;Bài 3-cột1; Bài 5 |  |
| 144 | Ôn tập về đo độ dài và đo khối lượng  (tr. 152) | Biết:- Quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, các đơn vị đo khối lượng.  - Viết các số đo độ dài, số đo khối lượng dưới dạng số thập phân.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2(a), Bài 3 (a,b,c; mỗi câu 1 dòng) | HSNK: Bài 2b, Bài 3 |  |
| 145 | Ôn tập về đo độ dài và đo khối lượng (tiếp theo)  (tr. 153) | Biết:- Viết số đo độ dài và số đo khối lượng dưới dạng số thập phân.  - Biết mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài và đo khối lượng thông dụng.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 (a), Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 1b;Bài 4 |  |
| 30 | 146 | Ôn tập về đo diện tích  (tr. 154) | Biết:- Quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích; chuyển đổi các số đo diện tích (với các đơn vị đo thông dụng).  - Viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 (cột 1), Bài 3 (cột 1) | HSNK: Bài 2-cột 2;Bài 3-cột 2,3 |  |
| 147 | Ôn tập về đo thể tích (tr. 155) | Biết:  - Quan hệ giữa mét khối, đề-xi-mét khối, xăng-ti-mét khối.  - Viết số đo thể tích dưới dạng số thập phân.  - Chuyển đổi số đo thể tích.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 (cột 1), Bài 3 (cột 1) | HSNK: Bài 2-cột 2;Bài 3-cột 2,3 |  |
| 148 | Ôn tập về đo diện tích và thể tích (tiếp theo)  (tr. 155) | - Biết so sánh các số đo diện tích; so sánh các số đo thể tích.  - Biết giải bài toán liên quan đến tính diện tích, thể tích các hình đã học.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 (a) | HSNK: Bài 3b |  |
| 149 | Ôn tập về đo thời gian  (tr. 156) | Biết:  - Quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian.  - Viết số đo thời gian dưới dạng số thập phân.  - Chuyển đổi số đo thời gian.  - Xem đồng hồ.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 (cột 1), Bài 3 | HSNK: Bài 2 (cột 2) Bài 4 |  |
|  | 150 | Phép cộng  (tr. 158) | - Biết cộng các số tự nhiên, các số thập phân, phân số và ứng dụng trong giải toán.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 (cột 1), Bài 3,Bài 4 | HSNK: Bài 2-cột 2 |  |
| 31 | 151 | Phép trừ  (tr. 159) | - Biết thực hiện phép trừ các số tự nhiên, các số thập phân, phân số, tìm thành phần chưa biết của phép cộng, phép trừ và giải bài toán có lời văn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 |  |  |
| 152 | Luyện tập  (tr. 160) | Biết vận dụng kĩ năng cộng, trừ trong thực hành tính và giải toán.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 153 | Phép nhân  (tr. 161) | Biết thực hiện phép nhân số tự nhiên, số thập phân, phân số và vận dụng để tính nhẩm, giải bài toán.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 (cột 1), Bài 2, Bài 3,Bài 4 | HSNK: Bài 1-cột 2 |  |
| 154 | Luyện tập  (tr. 162) | Biết vận dụng ý nghĩa của phép nhân và quy tắc nhân một tổng với một số trong thực hành, tính giá trị của biểu thức và giải toán.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 4 | **Điều chỉnh dữ liệu bài toán** |
| 155 | Phép chia  (tr. 163) | Biết thực hiện phép chia các số tự nhiên, số thập phân, phân số và vận dụng trong tính nhẩm  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 4 |  |
| 32 | 156 | Luyện tập  (tr. 164) | Biết:  - Thực hành phép chia.  - Viết kết quả phép chia dưới dạng phân số, số thập phân.  - Tìm tỉ số phần trăm của hai số.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,b dòng 1), Bài 2 (cột 1,2), Bài 3 | HSNK: Bài 1-cột 2,3; Bài 2-cột 3; Bài 4 |  |
| 157 | Luyện tập  (tr. 165) | Biết:  - Tìm tỉ số phần trăm của hai số.  - Thực hiện các phép tính cộng, trừ các tỉ số phần trăm.  - Giải toán liên quan đến tỉ số phần trăm.  \*Bài tập cần làm: Bài 1 (c,d), Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 1-a,b; Bài 4 |  |
| 158 | Ôn tập về các phép tính với số đo thời gian  (tr. 165) | Biết thực hành tính với số đo thời gian và vận dụng trong giải toán.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 3 |  |
|  | 159 | Ôn tập về tính chu vi, diện tích một số hình  (tr. 166) | - Thuộc công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học và biết vận dụng vào giải toán.  **- Bổ sung YCCĐ: Nhận biết được một số loại hình tam giác trong đó có tam giác đều (tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều)**  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3 | HSNK: Bài 2 | **Tam giác đều, tam giác nhọn, tam giác tù** |
| 160 | Luyện tập  (tr. 167) | - Biết tính chu vi, diện tích các hình đã học.  - Biết giải các bài toán liên quan đến tỉ lệ  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 4 | HSNK: Bài 3 |  |
| 33 | 161 | Ôn tập về diện tích, thể tích một số hình  T 168) | - Thuộc công thức tính diện tích và thể tích các hình đã học.  - Vân dụng tính diện tích, thể tích một số hình trong thực tế.  \*Bài tập cần làm: Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 1 |  |
| 162 | Luyện tập  (tr. 169) | - Biết tính thể tích và diện tích trong các trường hợp đơn giản.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 163 | Luyện tập chung  (tr. 169) | - Biết thực hành tính diện tích và thể tích các hình đã học.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
|  | 164 | Một số dạng bài toán đã học  (tr. 170) | - Biết một số dạng toán đã học.  - Biết giải bài toán có liên quan đến tìm số trung bình cộng, tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 165 | Luyện tập  (tr. 171) | Biết giải một số bài toán có dạng đã học.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 4 |  |
| 34 | 166 | Luyện tập  (tr. 171) | Biết giải bài toán về chuyển động đều.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2 | HSNK: Bài 3 |  |
| 167 | Luyện tập  (tr. 172) | Biết giải bài toán có nội dung hình học.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 3 (a,b) | HSNK: Bài 2; Bài 3c |  |
| 168 | Ôn tập về biểu đồ  (tr. 173) | Biết đọc số liệu trên biểu đồ, bổ sung tư liệu trong một bảng thống kê số liệu.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2(a), Bài 3 | HSNK: Bài 2b |  |
| 169 | Luyện tập chung  (tr. 175) | Biết thực hiện phép cộng, phép trừ; biết vận dụng để tính giá trị của biểu thức số, tìm thành phần chưa biết của phép tính.  \*Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2, Bài 3 | HSNK: Bài 4; Bài 5 |  |
| 170 | Luyện tập chung  (tr. 176) | Biết thực hiện phép nhân, phép chia; biết vận dụng để tìm thành phần chưa biết của phép tính và giải toán liên quan đến tỉ số phần trăm.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(cột 1), Bài 2(cột 1), Bài 3 | HSNK: Bài 2(cột 2, cột 3)  Bài 2 (cột 2); Bài 4 |  |
| 35 | 171 | Luyện tập chung  (tr. 176) | Biết thực hành tính và giải toán có lời văn.  \*Bài tập cần làm: Bài 1(a,b,c), Bài 2(a), Bài 3 | HSNK: Bài 1d; Bài 2b; Bài 4; Bài 5 |  |
| 172 | Luyện tập chung  (tr. 177) | Biết tính giá trị của biểu thức; tìm số trung bình cộng; giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.  Bài tập cần làm: Bài 1, Bài 2(a), Bài 3 | HSNK: Bài 2b; Bài 4; Bài 5 |  |
| 173 | Luyện tập chung  (tr. 178) | Biết tính tỉ số phần trăm và giải toán về tỉ số phần trăm; tính diện tích, chu vi của hình tròn.  \*Bài tập cần làm: Phần 1:Bài 1Bài 2; Phần 2:Bài 1 | HSNK: Phần 1  ( bài 3); Phần 2 (bài 2) |  |
| 174 | Luyện tập chung  (tr. 179) | Biết giải bài toán về chuyển động cùng chiều, tỉ số phần trăm, thể tích hình hộp chữ nhật.  \*Bài tập cần làm: Phần 1 | HSNK: Phần 2 |  |
| 175 | Kiểm tra cuối năm học | Tập trung vào kiểm tra:  - Kiến thức ban đầu về số thập phân, kĩ năng thực hành tính với số thập phân, tỉ số phần trăm.  - Tính diện tích, thể tích một số hình đã học.  - Giải bài toán về chuyển động đều |  |  |